

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-45
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13-15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh Báo cáo tài chính	17-45

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán APG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 18/GPĐC-UBCK ngày 08/02/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo giấy phép điều chỉnh này Công ty Cổ phần Chứng khoán APG đã tăng vốn điều lệ lên 1.463.066.120.000 đồng.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/10/2021)
Ông Mai Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13/09/2021)
Ông Võ Quý Lâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21/09/2021)
Ông Võ Quý Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/09/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính kết quả hoạt động tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 phù hợp với Chuẩn mực Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Số: 9603 2022/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được lập ngày 15 tháng 03 năm 2022 từ trang 06 đến trang 45 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Báo cáo kết quả hoạt động Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán APG tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội



Đỗ Thị Thu Huyền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2991-2020-037-1

Trần Thị Thanh Tú

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3372-2020-037-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		980.124.008.141	173.219.531.150
110	I. Tài sản tài chính		979.025.787.645	172.582.454.426
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.791.864.553	3.753.583.036
111.1	1.1 Tiền		3.791.864.553	3.753.583.036
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5	409.523.834.000	50.467.262.500
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	110.000.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	5	368.516.110.423	16.359.377.563
117	5. Các khoản phải thu	6	20.549.221.258	30.790.724.300
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các tài sản tài chính		20.549.221.258	30.790.724.300
117.4	5.1.1 Dự thu cổ tức tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	20.549.221.258	30.790.724.300
118	6. Trả trước cho người bán	7	66.403.079.749	57.747.600.000
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	130.834.029	6.755.670.027
122	8. Các khoản phải thu khác	6	110.843.633	6.708.237.000
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.098.220.496	637.076.724
131	1. Tạm ứng		369.477.192	584.341.460
132	2. Vật tư văn phòng công cụ dụng cụ	8	475.924.400	-
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	46.500.000	43.925.264
134	4. Cầm cố thế chấp ký quỹ ký cược ngắn hạn	10	5.200.000	5.200.000
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		201.118.904	3.610.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		192.852.255.119	241.852.455.994
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		183.420.000.000	232.120.000.000
212	1. Các khoản đầu tư	11	183.420.000.000	232.120.000.000
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		138.420.000.000	232.120.000.000
212.4	1.2 Đầu tư dài hạn khác		45.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		6.961.635.848	7.438.300.917
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.380.132.157	2.195.797.218
222	- Nguyên giá		8.351.390.446	7.517.590.446
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.971.258.289)	(5.321.793.228)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.581.503.691	5.242.503.699
228	- Nguyên giá		10.016.296.230	10.016.296.230
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.434.792.539)	(4.773.792.531)
250	V. Tài sản dài hạn khác		2.470.619.271	2.294.155.077
251	1. Cầm cố thế chấp ký quỹ ký cược dài hạn	10	47.310.000	47.310.000
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	2.423.309.271	2.246.845.077
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.172.976.263.260	415.071.987.144

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		164.785.368.059	15.459.978.776
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		164.785.368.059	14.059.978.776
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	9.800.000.000	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		9.800.000.000	-
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	16	96.050.000.000	2.970.000.000
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	10.518.689.500	493.550.000
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		727.000.000	537.500.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	42.231.399.925	6.211.203.601
323	7. Phải trả người lao động		574.912.333	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.852.066.301	3.545.861.918
329	9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	20	31.300.000	301.863.257
340	II. Nợ phải trả dài hạn		-	1.400.000.000
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	16	-	1.400.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.008.190.895.201	399.612.008.368
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.008.190.895.201	399.612.008.368
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		731.474.060.000	340.289.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		731.533.060.000	340.289.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		731.533.060.000	340.289.000.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		(59.000.000)	-
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		306.000.000	306.000.000
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		445.000.000	445.000.000
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		275.965.835.201	58.572.008.368
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		166.856.169.839	59.336.306.818
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		109.109.665.362	(764.298.450)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.172.976.263.260	415.071.987.144

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành	21	73.153.306	34.028.900
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	22	97.332.880.000	1.021.950.000
	<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>97.153.880.000</i>	<i>1.021.950.000</i>
	<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		<i>179.000.000</i>	<i>-</i>
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	23	45.250.000.000	20.360.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	24	760.524.070.000	129.446.140.000
021.1	<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>724.989.090.000</i>	<i>97.082.510.000</i>
021.2	<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>		<i>6.639.230.000</i>	<i>4.150.000</i>
021.3	<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>		<i>-</i>	<i>28.748.180.000</i>
021.5	<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		<i>28.895.750.000</i>	<i>3.611.300.000</i>
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25	558.960.000	669.970.000
022.1	<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>558.960.000</i>	<i>669.970.000</i>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
026	3. Tiền gửi của khách hàng	26	45.889.693.505	1.937.523.764
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		45.889.693.505	1.937.523.764
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27	45.889.693.505	1.937.523.764
031.1	4.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		45.889.693.505	1.937.523.764



Dương Tuyết Nhung
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	135.995.774.200	39.855.269
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a) 26.024.130.688	-
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	29.b) 109.971.643.512	39.855.269
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.c) 17.926.188.397	16.307.216.267
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.c) 18.473.469.017	7.386.608.477
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	205.327.079.112	3.105.119.192
08	1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng	-	6.755.000.000
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	799.523.265	152.104.007
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	80.000.000	3.024.000.000
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	29.d) 133.896.365	141.443.833
20	Cộng doanh thu hoạt động		378.735.930.356	36.911.347.045
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua	50.577.382.800	26.410.200
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a) 50.479.703.100	-
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.b) 97.679.700	26.410.200
27	2.2	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.062.442.203	464.602.238
30	2.3	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.108.365.644	72.000.000
32	2.4	Chi phí các dịch vụ khác	1.979.303.987	1.834.803.651
40	Cộng chi phí hoạt động		58.727.494.634	2.397.816.089

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	30		
42	3.1 Doanh thu dự thu cổ tức lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		2.572.284.283	2.883.100
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		2.572.284.283	2.883.100
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	31		
52	4.1 Chi phí lãi vay		3.710.495.146	454.412.619
60	Cộng chi phí tài chính		3.710.495.146	454.412.619
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	10.800.249.573	4.568.953.896
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		308.069.975.286	29.493.047.541
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	33	7.411.479	11.126.833
72	8.2 Chi phí khác	34	56.677	175.860.353
80	Cộng kết quả hoạt động khác		7.354.802	(164.733.520)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		308.077.330.088	29.328.314.021
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		198.203.366.276	29.314.868.952
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		109.873.963.812	13.445.069

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN		39.640.673.255	4.080.795.043
100.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	39.640.673.255	4.080.795.043
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>268.436.656.833</u>	<u>25.247.518.978</u>
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	36	4.946	645
502	13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	37	3.601	645

Dương Tuyết Nhung
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		308.077.330.088	29.328.314.021
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.389.675.932	1.742.157.093
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.310.465.069	1.290.627.574
06	- Chi phí lãi vay		3.710.495.146	454.412.619
07	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.572.284.283)	(2.883.100)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		(59.000.000)	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		97.679.700	26.410.200
11	- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		97.679.700	26.410.200
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(109.971.643.512)	(39.855.269)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(109.971.643.512)	(39.855.269)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(596.491.570.974)	(28.069.557.646)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(249.182.607.688)	139.269
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(16.300.000.000)	2.450.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(352.156.732.860)	3.604.074.653
36	- (-) Tăng (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các tài sản tài chính		10.241.503.042	(16.245.600.689)
37	- (-) Tăng (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		6.814.335.998	(7.604.042.071)
39	- (-) Tăng (+) giảm các khoản phải thu khác		9.080.297.367	(6.708.237.000)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(635.033.230)	1.634.368.727
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(1.915.000.000)	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(2.574.736)	4.550.155
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.080.795.044)	(5.966.313.456)
44	- Lãi vay đã trả		(759.854.020)	(359.550.701)
45	- Tăng (giảm) phải trả cho người bán		1.369.659.751	391.000.000
46	- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		-	(31.300.000)
47	- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		1.460.318.113	721.031.404
48	- Tăng (giảm) phải trả người lao động		574.912.333	(187.626.400)
50	- Tăng (giảm) phải trả phải nộp khác		-	227.948.463
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(395.898.528.766)	2.987.468.399

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

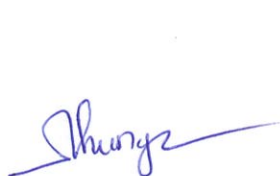
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(833.800.000)	(2.681.094.000)
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác		(45.000.000.000)	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		89.380.283	2.883.100
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(45.744.419.717)	(2.678.210.900)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu		340.201.230.000	-
73	3. Tiền vay gốc		131.450.000.000	3.670.000.000
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(29.970.000.000)	(1.770.000.000)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(29.970.000.000)	(1.770.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		441.681.230.000	1.900.000.000
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		38.281.517	2.209.257.499
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		3.753.583.036	1.544.325.537
101.1	- Tiền		3.753.583.036	1.544.325.537
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		3.791.864.553	3.753.583.036
103.1	- Tiền		3.791.864.553	3.753.583.036

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		6.332.324.296.900	697.043.840.300
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(9.082.181.333.800)	(1.154.840.137.700)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		6.001.615.344.591	944.757.553.941
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(3.207.006.614.685)	(485.411.321.747)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(799.523.265)	(152.104.007)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		12.992.179.782	855.534.138
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(12.992.179.782)	(855.534.138)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		43.952.169.741	1.397.830.787
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.937.523.764	539.692.977
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.937.523.764	539.692.977
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.937.523.764	539.692.977
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		45.889.693.505	1.937.523.764
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		45.889.693.505	1.937.523.764
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		45.889.693.505	1.937.523.764



Dương Tuyết Nhung
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2020		01/01/2021		31/12/2020		31/12/2021	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		340.289.000.000	340.289.000.000	-	-	391.185.060.000	-	340.289.000.000	731.474.060.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có		340.289.000.000	340.289.000.000	-	-	391.244.060.000	-	340.289.000.000	731.533.060.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	(59.000.000)	-	-	(59.000.000)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		306.000.000	306.000.000	-	-	-	-	306.000.000	306.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000	-	-	-	-	445.000.000	445.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		33.324.489.390	58.572.008.368	25.247.518.978	-	268.436.656.833	51.042.830.000	58.572.008.368	275.965.835.201
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		34.102.232.909	59.336.306.818	25.234.073.909	-	158.562.693.021	51.042.830.000	59.336.306.818	166.856.169.839
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(777.743.519)	(764.298.450)	13.445.069	-	109.873.963.812	-	(764.298.450)	109.109.665.362
TỔNG CỘNG		374.364.489.390	399.612.008.368	25.247.518.978	-	659.621.716.833	51.042.830.000	399.612.008.368	1.008.190.895.201



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022



Dương Tuyết Nhung
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 18/GPĐC-UBCK ngày 08/02/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo giấy phép điều chỉnh này Công ty Cổ phần Chứng khoán APG đã tăng vốn điều lệ lên 1.463.066.120.000 đồng.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 731.533.060.000 đồng; tương đương 73.153.306 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 với mã giao dịch là APG (từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 đến ngày 22 tháng 11 năm 2016 cổ phiếu của Công ty giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 17 người).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000 Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính sửa đổi bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*a) Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) các khoản cho vay các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua phát hành tài sản tài chính đó ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay các khoản phải trả người bán và phải trả khác chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dùng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ ký cược không thuộc tài sản của Công ty Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế các khế ước vay nợ cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể mất tích bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 năm
- Phần mềm giao dịch	05 - 10 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả đối tượng phải trả loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định bất động sản đầu tư lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán điều lệ công ty chứng khoán Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Doanh thu thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

- Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL HTM các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

- Cổ tức lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL HTM AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Doanh thu tài chính chi phí hoạt động tài chính*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền ...).

2.16 . Các khoản thuế

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

2.17 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	345.843.129	909.942.079.900
- Cổ phiếu	333.532.129	815.832.079.900
- Chứng khoán khác	12.311.000	94.110.000.000
Của nhà đầu tư	372.332.560	14.598.673.550.800
- Cổ phiếu	372.332.560	14.598.673.550.800
	718.175.689	15.508.615.630.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APGTầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	176.635.107	166.984.833
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	3.615.229.446	3.586.598.203
	3.791.864.553	3.753.583.036

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	299.989.133.188	409.098.834.000	933.725.500	169.462.500
Cổ phiếu chưa niêm	425.000.000	425.000.000	50.297.800.000	50.297.800.000
	300.414.133.188	409.523.834.000	51.231.525.500	50.467.262.500

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	110.000.000.000	-
	110.000.000.000	-

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn(*)	110.000.000.000	-	-	-
	110.000.000.000	-	-	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương với số tiền 100.000.000.000 đồng, lãi suất 5.1%/năm.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa với số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 5%/năm.

b) Các khoản cho vay

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	357.177.466.833	8.730.598.614
Hoạt động ứng trước tiền bán	11.338.643.590	7.628.778.949
	368.516.110.423	16.359.377.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	300.414.133.188	51.231.525.500	409.523.834.000	50.467.262.500	109.201.200.812	6.855.700	(91.500.000)	(771.118.700)	409.523.834.000	50.467.262.500
Cổ phiếu niêm yết (*)	299.989.133.188	933.725.500	409.098.834.000	169.462.500	109.201.200.812	6.855.700	(91.500.000)	(771.118.700)	409.098.834.000	169.462.500
- Sàn Hà Nội	87.685.425.000	-	192.494.848.000	-	104.809.423.000	-	-	-	192.494.848.000	-
<i>GKM</i>	<i>87.685.425.000</i>	-	<i>192.494.848.000</i>	-	<i>104.809.423.000</i>	-	-	-	<i>192.494.848.000</i>	-
- Sàn Hồ Chí Minh	150.393.708.188	-	154.393.986.000	710.200	4.091.777.812	710.200	(91.500.000)	-	154.393.986.000	710.200
<i>KOS</i>	<i>110.950.000.000</i>	-	<i>112.523.000.000</i>	-	<i>1.375.000.000</i>	-	-	-	<i>112.523.000.000</i>	-
<i>MSN</i>	<i>6.165.000.000</i>	-	<i>8.550.000.000</i>	-	<i>2.385.000.000</i>	-	-	-	<i>8.550.000.000</i>	-
<i>AGM</i>	<i>31.225.388.188</i>	-	<i>31.345.630.000</i>	-	<i>120.241.812</i>	-	-	-	<i>31.345.630.000</i>	-
<i>TDH</i>	<i>1.288.500.000</i>	-	<i>1.197.000.000</i>	-	-	-	(91.500.000)	-	<i>1.197.000.000</i>	-
<i>HMC</i>	<i>764.820.000</i>	-	<i>773.680.000</i>	-	<i>10.860.000</i>	-	-	-	<i>773.680.000</i>	-
<i>Cổ phiếu lẻ</i>	-	-	<i>676.000</i>	<i>710.200</i>	<i>676.000</i>	<i>710.200</i>	-	-	<i>676.000</i>	<i>710.200</i>
- Sàn Upcom	61.910.000.000	933.725.500	62.210.000.000	168.752.300	300.000.000	6.145.500	-	(771.118.700)	62.210.000.000	168.752.300
<i>NOS</i>	-	<i>788.725.500</i>	-	<i>17.606.800</i>	-	-	-	(771.118.700)	-	<i>17.606.800</i>
<i>BLI</i>	-	<i>145.000.000</i>	-	<i>151.137.500</i>	-	<i>6.137.500</i>	-	-	-	<i>151.137.500</i>
<i>ABB</i>	<i>1.910.000.000</i>	-	<i>2.210.000.000</i>	-	<i>300.000.000</i>	-	-	-	<i>2.210.000.000</i>	-
<i>TBD</i>	<i>60.000.000.000</i>	-	<i>60.000.000.000</i>	-	-	-	-	-	<i>60.000.000.000</i>	-
<i>Cổ phiếu lẻ</i>	-	-	-	<i>8.000</i>	-	<i>8.000</i>	-	-	-	<i>8.000</i>
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	425.000.000	50.297.800.000	425.000.000	50.297.800.000	-	-	-	-	425.000.000	50.297.800.000
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DVCK)	320.000.000	320.000.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí (PXV)	105.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	105.000.000	105.000.000
- Công ty CP Đầu tư Đông Á (DAU)	-	49.872.800.000	-	49.872.800.000	-	-	-	-	-	49.872.800.000
Tổng cộng	300.414.133.188	51.231.525.500	409.523.834.000	50.467.262.500	109.201.200.812	6.855.700	(91.500.000)	(771.118.700)	409.523.834.000	50.467.262.500

Ghi (*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2021.

()** Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APGTầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết	16.421.764.889	30.771.847.000
Các khoản phải thu các khoản đầu tư đáo hạn	2.482.904.000	-
Phải thu lãi hoạt động Margin	1.644.552.369	18.877.300
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	130.834.029	6.755.670.027
- <i>Phải thu hợp đồng tư vấn tài chính</i>	-	114.950.000
- <i>Phải thu hợp đồng tư vấn mua cổ phiếu</i>	-	6.605.000.000
- <i>Phải thu nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	130.834.029	35.720.027
Phải thu khác	110.843.633	6.708.237.000
- <i>Phải thu lãi hợp đồng đặt mua trái phiếu</i>	-	6.708.237.000
- <i>Phải thu khác</i>	110.843.633	-
	20.790.898.920	44.254.631.327

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lê Hữu Tường	-	14.000.000.000
Nguyễn Văn Phúc	-	14.530.000.000
Lê Thị Thu	-	14.650.000.000
Nguyễn Đức Hạnh	-	14.400.000.000
Trả trước tiền mua cổ phần	65.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	424.058.580	-
Công ty Cổ phần Base Enterprise	473.520.000	-
Trả trước cho người bán khác	255.501.169	167.600.000
	66.403.079.749	57.747.600.000

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vật tư văn phòng công cụ dụng cụ	475.924.400	-
	475.924.400	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	43.925.264	43.925.264
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.574.736	-
	46.500.000	43.925.264

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APGTầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

10 . CẢM CỐ THỂ CHẤP KÝ QUỸ KÝ CƯỘC**a) Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đặt cọc mua nước uống	5.200.000	5.200.000
	5.200.000	5.200.000

b) Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà	37.310.000	37.310.000
	47.310.000	47.310.000

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	138.420.000.000	232.120.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần APG Capital (**)	52.370.000.000	232.120.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Khang Minh Group	86.050.000.000	-
Đầu tư khác	45.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Cụm Công nghiệp APG	22.500.000.000	-
- Công ty CP APG ECO Hòa Bình	22.500.000.000	-
	183.420.000.000	232.120.000.000

(*) Tại thời điểm 31/12/2021 Công ty đang nắm giữ 5.237 trái phiếu Công ty Cổ phần APG Capital; Mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu; kỳ hạn 60 tháng; lãi suất trái phiếu 9%/năm cho 36 tháng tiếp theo.
Công ty nắm giữ 8.605 trái phiếu Công ty Cổ phần Khang Minh Group (GKM); Mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu; kỳ hạn 36 tháng; lãi suất 12,6%/năm).

(**) Công ty Cổ phần APG Capital được đổi tên từ Công ty Cổ phần Than Quốc tế

Đầu tư vào công ty khác

Thông tin chi tiết về các công ty khác của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Cụm Công nghiệp APG	Số 88, tổ dân phố Tân An, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	15,00%	15,00%	Xây dựng công trình công ích khác
Công ty CP APG ECO Hòa Bình	Khu bể bơi chuyên gia, tổ 9, phường Hữu Nghị, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình	15,00%	15,00%	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APGTầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Cộng VND
		VND	
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	2.020.994.000	5.496.596.446	7.517.590.446
Mua trong năm	-	833.800.000	833.800.000
Tại ngày 31/12/2021	2.020.994.000	6.330.396.446	8.351.390.446
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	134.732.932	5.187.060.296	5.321.793.228
Khấu hao trong năm	404.198.796	245.266.265	649.465.061
Tại ngày 31/12/2021	538.931.728	5.432.326.561	5.971.258.289
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	1.886.261.068	309.536.150	2.195.797.218
Tại ngày 31/12/2021	1.482.062.272	898.069.885	2.380.132.157

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.090.663.446 đồng.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch kế toán	Cộng VND
	VND	
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	10.016.296.230	10.016.296.230
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2021	10.016.296.230	10.016.296.230
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	4.773.792.531	4.773.792.531
Khấu hao trong năm	661.000.008	661.000.008
Tại ngày 31/12/2021	5.434.792.539	5.434.792.539
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	5.242.503.699	5.242.503.699
Tại ngày 31/12/2021	4.581.503.691	4.581.503.691

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.868.458.676	1.868.458.676
Tiền lãi phân bổ trong năm	434.850.595	258.386.401
Số dư cuối năm	2.423.309.271	2.246.845.077

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APGTầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2021	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	9.800.000.000	-	9.800.000.000
Vay thấu chi (*)	-	9.800.000.000	-	9.800.000.000
	-	9.800.000.000	-	9.800.000.000

(*) Vay thấu chi theo hợp đồng số 1410/2021/1978675/HĐTC ký ngày 14/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán APG với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành; Hạn mức thấu chi: 9.800.000.000 đồng; Thời hạn thấu chi: đến hết ngày 31/03/2022; Lãi suất: 5.0%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần; Mục đích: Bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán trong lĩnh vực kinh doanh cổ phiếu của Công ty, giấy tờ có giá và chứng khoán khác.

16 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	96.050.000.000	2.970.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	1.400.000.000
	96.050.000.000	4.370.000.000

Tại ngày 31/12/2021 trái phiếu phát hành ngắn hạn của Công ty bao gồm 9.605 trái phiếu mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu kỳ hạn 12 tháng lãi suất 13%/năm;

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Giải pháp và Phần mềm Việt Nam	-	493.550.000
Khách hàng mua cổ phiếu phát hành thêm	10.466.550.000	-
Phải trả khác	52.139.500	-
	10.518.689.500	493.550.000

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	47.160.862	58.160.862
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	38.852.016.341	4.292.138.130
Thuế Thu nhập cá nhân	3.280.351.909	1.813.984.840
Các loại thuế khác	51.870.813	46.919.769
	42.231.399.925	6.211.203.601

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí mua tài sản cố định	1.536.000.000	3.451.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	3.316.066.301	94.861.918
	4.852.066.301	3.545.861.918

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Phải trả lãi vay	-	270.563.257
	31.300.000	301.863.257

21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Hồ Hưng	12,27%	89.765.350.000	9,54%	32.449.000.000
Các cổ đông khác	87,73%	641.767.710.000	90,46%	307.840.000.000
	100%	731.533.060.000	100%	340.289.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	166.856.169.839	59.336.306.818
Lợi nhuận chưa thực hiện	109.109.665.362	(764.298.450)
	275.965.835.201	58.572.008.368

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	59.336.306.818	34.102.232.909
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm kế toán	109.109.665.362	(764.298.450)
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu năm	158.562.693.021	25.234.073.909
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	217.898.999.839	59.336.306.818
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	(51.042.830.000)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	166.856.169.839	59.336.306.818

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	731.533.060.000	340.289.000.000
- Vốn góp đầu năm	340.289.000.000	340.289.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (*)	391.244.060.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	731.533.060.000	340.289.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	(51.042.830.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(51.042.830.000)	-

(*) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/APG ngày 06/03/2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán APG. Cụ thể:

- Số cổ phiếu đã phát hành: 39.124.406 cổ phiếu, trong đó:

+ Công ty tăng vốn từ chia lợi nhuận sau thuế số tiền: 5.104.283 cổ phiếu

+ Số cổ phiếu được phát hành qua chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán cho các nhà đầu tư: 34.020.123 cổ phiếu (phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.720.123 cổ phiếu cho 764 cổ đông hiện hữu; Số cổ phiếu không phân phối hết tiếp tục chào bán cho 8 nhà đầu tư là 23.300.000 cổ phiếu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành).

- Mục đích: 200.000.000.000 đồng để phục vụ hoạt động tự doanh, 140.289.000.000 đồng được sử dụng cho nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.

- Kết quả sử dụng vốn tăng: tổng số tiền thu được từ đợt tăng vốn được công ty sử dụng vào hoạt động tự doanh là 200.000.000.000 đồng và nghiệp vụ giao dịch ký quỹ là 140.289.000.000 đồng.

e) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành (*)	146.306.612	34.028.900
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	73.153.306	34.028.900
- Cổ phiếu phổ thông	73.153.306	34.028.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.153.306	34.028.900
- Cổ phiếu phổ thông	73.153.306	34.028.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

(*) Công ty đã được phép chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 266/GC - UBCK ngày 19/11/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ từ 73.153.306 cổ phiếu lên 146.306.612 cổ phiếu, thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trong năm 2021 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 34.028.900 cổ phiếu lên 73.153.306 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	97.153.880.000	1.021.950.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	179.000.000	-
	<u>97.332.880.000</u>	<u>1.021.950.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	45.250.000.000	20.360.000.000
	<u>45.250.000.000</u>	<u>20.360.000.000</u>

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	724.989.090.000	97.082.510.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	6.639.230.000	4.150.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	28.748.180.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	28.895.750.000	3.611.300.000
	<u>760.524.070.000</u>	<u>129.446.140.000</u>

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	558.960.000	669.970.000
	<u>558.960.000</u>	<u>669.970.000</u>

26 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	45.889.693.505	1.937.523.764
1. Nhà đầu tư trong nước	45.874.591.979	1.937.523.764
2. Nhà đầu tư nước ngoài	15.101.526	-
	<u>45.889.693.505</u>	<u>1.937.523.764</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

27 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	45.889.693.505	1.937.523.764
1.1 Nhà đầu tư trong nước	45.874.591.979	1.937.523.764
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	15.101.526	-
	45.889.693.505	1.937.523.764

28 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	358.822.019.202	8.749.475.914
1.1 Phải trả gốc margin	357.177.466.833	8.730.598.614
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>357.177.466.833</i>	<i>8.730.598.614</i>
1.2 Phải trả lãi margin	1.644.552.369	18.877.300
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.644.552.369</i>	<i>18.877.300</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	11.338.643.590	7.628.778.949
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	11.338.643.590	7.628.778.949
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>11.338.643.590</i>	<i>7.628.778.949</i>
	370.160.662.792	16.378.254.863

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

29 . THU NHẬP

a) Lãi lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
				VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết							
- Sàn Hà Nội	11.949.469	253.066.949.900	263.709.722.312	10.074.130.688	20.716.903.100	-	-
- GKM	4.285.300	67.689.860.000	81.711.400.000	4.908.350.000	18.929.890.000	-	-
- IDC	500.000	6.685.000.000	6.800.000.000	-	115.000.000	-	-
- VKC	150.000	5.390.000.000	4.950.000.000	440.000.000	-	-	-
- BII	800.000	13.108.350.000	8.640.000.000	4.468.350.000	-	-	-
	2.835.300	42.506.510.000	61.321.400.000	-	18.814.890.000	-	-
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	6.772.005	171.168.984.000	168.928.596.812	3.335.512.188	1.095.125.000	-	-
- VND	5	207.000	-	207.000	-	-	-
- MBB	70.000	1.960.000.000	2.026.500.000	-	66.500.000	-	-
- KOS	3.300.000	94.380.000.000	94.380.000.000	-	-	-	-
- TGG	1.200.300	15.003.750.000	15.003.750.000	-	-	-	-
- ACB	125.000	4.000.000.000	4.141.875.000	-	141.875.000	-	-
- STB	50.000	1.300.000.000	1.402.500.000	-	102.500.000	-	-
- TCB	750.000	37.635.000.000	37.042.500.000	612.500.000	-	-	-
- AGM	64.700	2.357.265.000	2.309.721.812	47.543.188	-	-	-
- GEX	100.000	2.586.185.000	2.500.000.000	86.185.000	-	-	-
- HNG	82.000	698.680.000	656.000.000	42.680.000	-	-	-
- MHC	115.000	1.536.250.000	1.495.000.000	41.250.000	-	-	-
- TDG	715.000	7.545.897.000	5.040.750.000	2.505.147.000	-	-	-
- TDH	200.000	2.145.750.000	2.930.000.000	-	784.250.000	-	-
- Sàn Upcom	892.164	14.208.105.900	13.069.725.500	1.830.268.500	691.888.100	-	-
- NOS	88.034	96.837.400	788.725.500	-	691.888.100	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

29 . THU NHẬP

a) Lãi lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
<i>BLI</i>	14.125	185.110.000	145.000.000	40.110.000	-	-	-
<i>VSG</i>	5	8.500	-	8.500	-	-	-
<i>ATG</i>	390.000	1.236.960.000	936.000.000	300.960.000	-	-	-
<i>DDV</i>	400.000	12.689.190.000	11.200.000.000	1.489.190.000	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.911.000	65.060.000.000	78.872.800.000	15.950.000.000	29.762.800.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư Cùm Công nghiệp APG	700.000	10.710.000.000	7.000.000.000	3.710.000.000	-	-	-
- Công ty CP Điện Sinh Khôi BPW Cẩm Thủy	1.200.000	18.840.000.000	12.000.000.000	6.840.000.000	-	-	-
- Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Công nghệ Cao Ngôi sao	1.000.000	15.400.000.000	10.000.000.000	5.400.000.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Đông Á (DAU)	2.011.000	20.110.000.000	49.872.800.000	-	29.762.800.000	-	-
	16.860.469	318.126.949.900	342.582.522.312	26.024.130.688	50.479.703.100	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

29 . THU NHẬP

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị hợp lý/		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2021		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
	VND	VND	VND	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
FVTPL	300.414.133.188	409.523.834.000	109.201.200.812	6.855.700	(91.500.000)	(771.118.700)	109.971.643.512	(97.679.700)		
Cổ phiếu niêm yết	238.079.133.188	346.888.834.000	108.901.200.812	710.200	(91.500.000)	-	108.900.524.812	-		
- <i>GKM</i>	87.685.425.000	192.494.848.000	104.809.423.000	-	-	-	104.809.423.000	-		
- <i>KOS</i>	110.950.000.000	112.525.000.000	1.575.000.000	-	-	-	1.575.000.000	-		
- <i>MSN</i>	6.165.000.000	8.550.000.000	2.385.000.000	-	-	-	2.385.000.000	-		
- <i>AGM</i>	31.225.388.188	31.345.630.000	120.241.812	-	-	-	120.241.812	-		
- <i>TDH</i>	1.288.500.000	1.197.000.000	-	-	(91.500.000)	-	-	-		(91.500.000)
- <i>HMC</i>	764.820.000	775.680.000	10.860.000	-	-	-	10.860.000	-		(34.200)
- <i>Có phiếu lẻ</i>	-	676.000	676.000	710.200	-	-	-	-		(6.145.500)
Cổ phiếu Upcom	61.910.000.000	62.210.000.000	300.000.000	6.145.500	-	(771.118.700)	1.071.118.700	(6.145.500)		
- <i>NOS</i>	-	-	-	-	-	(771.118.700)	771.118.700	-		(6.137.500)
- <i>BLI</i>	-	-	-	6.137.500	-	-	-	-		-
- <i>ABB</i>	1.910.000.000	2.210.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-		-
- <i>TBD</i>	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	-	-		-
- <i>Có phiếu lẻ</i>	-	-	-	8.000	-	-	-	-		(8.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết	425.000.000	425.000.000	-	-	-	-	-	-		-
- <i>Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DVCK)</i>	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	-	-		-
- <i>Công ty CP Bất động sản Dầu khí (PXV)</i>	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	-	-		-
300.414.133.188	409.523.834.000	109.201.200.812	6.855.700	(91.500.000)	(771.118.700)	109.971.643.512	(97.679.700)			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL các khoản cho vay HTM AFS		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	17.926.188.397	16.307.216.267
Từ các khoản cho vay	18.473.469.017	7.386.608.477
	36.399.657.414	23.693.824.744
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	133.896.365	141.443.833
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu khác	133.896.365	141.443.833
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	133.896.365	141.443.833
30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	2.572.284.283	2.883.100
	2.572.284.283	2.883.100
31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.710.495.146	454.412.619
	3.710.495.146	454.412.619
32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	3.643.525.932	2.628.171.717
Kinh phí công đoàn BHXH BHYT BHTN	279.057.302	238.062.894
Chi phí vật tư văn phòng	61.417.960	17.171.960
Chi phí công cụ dụng cụ	717.654.201	94.690.000
Chi phí khấu hao TSCĐ BĐSĐT	1.310.465.069	1.364.487.574
Chi phí thuế phí và lệ phí	232.515.340	7.913.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.179.570.158	191.267.628
Chi phí khác	2.376.043.611	27.188.874
	10.800.249.573	4.568.953.896
33 . THU NHẬP KHÁC		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản khác	7.411.479	11.126.833
	7.411.479	11.126.833

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	166.332.928
Các khoản khác	56.677	9.527.425
	56.677	175.860.353

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	308.077.330.088	29.328.314.021
Các khoản điều chỉnh tăng	97.679.700	(139.922.728)
- Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại tài sản tài chính	97.679.700	26.410.200
- Các khoản bị phạt	-	(166.332.928)
Các khoản điều chỉnh giảm	(109.971.643.512)	(39.855.269)
- Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại tài sản tài chính	(109.971.643.512)	(39.855.269)
Thu nhập chịu thuế TNDN	198.203.366.276	29.148.536.024
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thuế suất hiện hành	39.640.673.255	5.829.707.205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	-	(1.748.912.162)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.640.673.255	4.080.795.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.292.138.130	6.177.656.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.080.795.044)	(5.966.313.456)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	38.852.016.341	4.292.138.130

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	268.436.656.833	25.247.518.978
Các khoản điều chỉnh (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	268.436.656.833	25.247.518.978
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (**)	54.271.381	39.133.183
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.946	645

(*) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

(**) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2020 được điều chỉnh do trong năm 2021 Công ty tăng vốn bằng lợi nhuận chưa phân phối năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

37 . THU NHẬP PHA LOÃNG CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	268.436.656.833	25.247.518.978
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	268.436.656.833	25.247.518.978
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	54.271.381	39.133.183
Cổ phiếu bình quân phát hành theo đợt chào bán ra công chúng (**)	148.153.306	-
Cổ phiếu bình quân phát hành theo đợt chào bán ra công chúng bình quân theo giá thị trường	(127.870.187)	-
Cổ phiếu bình quân để tính lãi suy giảm cổ phiếu	74.554.500	39.133.183
Lãi suy giảm cơ bản trên cổ phiếu	3.601	645

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2020 được điều chỉnh do trong năm 2021 Công ty tăng vốn bằng lợi nhuận chưa phân phối năm 2020.

(**) Công ty đã được phép chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 266/GC - UBCK ngày 19/11/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ 73.153.306 cổ phiếu thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Giấy chứng nhận số 814/UBCK - QLKD ngày 18/02/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ 75.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với giá 18.000 đồng/cổ phiếu.

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.791.864.553	-	3.753.583.036	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	409.523.834.000	-	50.467.262.500	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	248.420.000.000	-	232.120.000.000	-
Các khoản cho vay	368.516.110.423	-	16.359.377.563	-
Các khoản phải thu	20.790.898.920	-	44.254.631.327	-
Đầu tư dài hạn	45.000.000.000	-	-	-
	1.096.042.707.896	-	346.954.854.426	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trái phiếu phát hành, vay và nợ	105.850.000.000	4.370.000.000
Phải trả người bán phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	10.549.989.500	795.413.257
Chi phí phải trả	4.852.066.301	3.545.861.918
	<u>121.252.055.801</u>	<u>8.711.275.175</u>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	409.523.834.000	-	-	409.523.834.000
Đầu tư dài hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
	<u>409.523.834.000</u>	<u>-</u>	<u>45.000.000.000</u>	<u>454.523.834.000</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	50.467.262.500	-	-	50.467.262.500
	<u>50.467.262.500</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>50.467.262.500</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.791.864.553	-	-	3.791.864.553
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	110.000.000.000	138.420.000.000	-	248.420.000.000
Các khoản cho vay	368.516.110.423	-	-	368.516.110.423
Các khoản phải thu	20.790.898.920	-	-	20.790.898.920
	503.098.873.896	138.420.000.000	-	641.518.873.896
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.753.583.036	-	-	3.753.583.036
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	232.120.000.000	-	232.120.000.000
Các khoản cho vay	16.359.377.563	-	-	16.359.377.563
Các khoản phải thu	44.254.631.327	-	-	44.254.631.327
	64.367.591.926	232.120.000.000	-	296.487.591.926

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APGTầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Trái phiếu phát hành, vay và nợ	105.850.000.000	-	-	105.850.000.000
Phải trả người bán phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	10.549.989.500	-	-	10.549.989.500
Chi phí phải trả	4.852.066.301	-	-	4.852.066.301
	121.252.055.801	-	-	121.252.055.801

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021				
Trái phiếu phát hành, vay và nợ	2.970.000.000	1.400.000.000	-	4.370.000.000
Phải trả người bán phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	795.413.257	-	-	795.413.257
Chi phí phải trả	3.545.861.918	-	-	3.545.861.918
	7.311.275.175	1.400.000.000	-	8.711.275.175

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Sau ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện phát hành thành công 73.153.306 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu (trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu là 72.361.790 cổ phiếu và chào bán cho nhà đầu tư là 791.516 cổ phiếu) để tăng vốn sở hữu của công ty lên 1.463.066.120.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	206.126.602.377	153.921.962.597	18.687.365.382	378.735.930.356	378.735.930.356
Chi phí hoạt động	6.170.807.847	50.577.382.800	1.979.303.987	58.727.494.634	58.727.494.634
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	2.572.284.283	2.572.284.283
Chi phí không phân bổ	-	-	-	14.510.744.719	14.510.744.719
Kết quả hoạt động	199.955.794.530	103.344.579.797	16.708.061.395	308.069.975.286	308.069.975.286
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.554.143.300	609.365.598.889	434.919.190.172	1.046.838.932.361	1.046.838.932.361
Tài sản không phân bổ	-	-	-	126.137.330.899	126.137.330.899
Tổng tài sản	2.554.143.300	609.365.598.889	434.919.190.172	1.172.976.263.260	1.172.976.263.260
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	96.777.000.000	96.777.000.000	96.777.000.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	68.008.368.059	68.008.368.059
Tổng nợ phải trả	-	-	96.777.000.000	164.785.368.059	164.785.368.059

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nhận chuyển nhượng vốn góp			
Ông Nguyễn Hồ Hưng (1)	Chủ tịch công ty	12.000.000.000	-
Ông Vương Ngọc Nguyên (2)	(*)	7.000.000.000	-
Thanh toán tiền mua cổ phiếu			
Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch công ty	12.000.000.000	-
Ông Vương Ngọc Nguyên	(*)	7.000.000.000	-

(*) Ông Vương Ngọc Nguyên là chồng bà Nguyễn Thị Phương - là trưởng Ban kiểm soát công ty.

(1) Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hồ Hưng vốn góp vào Công ty Cổ phần Điện Sinh khối BPW Cẩm Thủy 1.200.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần.

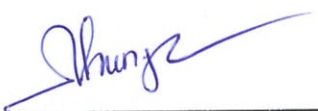
(2) Nhận chuyển nhượng vốn góp từ ông Vương Ngọc Nguyên vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cụm Công nghiệp APG với số lượng 700.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần.


Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập các thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
Thu nhập của Tổng Giám đốc	579.681.000	518.724.000
Ông Trần Thiên Hà - Tổng Giám đốc	579.681.000	518.724.000


42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.


Dương Tuyết Nhung
Người lập


Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng




Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022